

Bản án số: 180/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27/5/2021
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi
con chung”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ly
2. Ông Đặng Văn Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thúy Hằng – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 169/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 220/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 224/2021/QĐST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: số 98, ấp B.Đ, xã B.T, huyện T.B, tỉnh Đ.T, (Có mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp Đ.C, xã M.H, huyện C.M, tỉnh An Giang, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 3 năm 2021, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: anh và chị Nguyễn Thị D quen biết, sau thời gian cùng tìm hiểu, cả hai tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã B. T, huyện T.B vào ngày 22/3/2017, cả hai sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do không tôn trọng, thường xuyên mâu thuẫn, sống ly thân từ thời điểm

đó cho đến nay, chị D về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Nay thấy tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên anh T xin ly hôn với chị Nguyễn Thị D.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D1, sinh ngày 29/8/2017. Hiện nay, cháu D1 đang do chị D chăm sóc, nuôi dưỡng, sống cùng với chị D. Sau khi ly hôn, anh T đồng ý để chị D được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, anh không tranh chấp về quyền nuôi con; anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp hòa giải để động viên các bên có thể giải quyết các bất đồng quan điểm, hàn gắn đoàn tụ với nhau nhưng phía bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập nên không thể tiến hành hòa giải được, chị D cũng không có ý kiến phản hồi, cũng như ý kiến gì về việc anh T xin ly hôn và không có ý kiến, yêu cầu tranh chấp quyền nuôi con, không ý kiến cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Văn T. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C.M, tỉnh An Giang mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với chị Nguyễn Thị D, bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến. Các bên không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C.M, tỉnh An Giang: phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn tuy được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị D tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B.T, huyện T.B, tỉnh Đ.T, ngày 22/3/2017, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận, bảo vệ. Vợ chồng sống chung hạnh phúc khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm, gia đình hai bên không tạo điều kiện hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, đã ly thân gần ba năm. Nay, anh T yêu cầu ly hôn với chị D; mâu thuẫn giữa anh T và chị D xuất phát từ việc vợ chồng không cùng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày dẫn đến thường cự cãi, kéo dài nhiều năm không thể hàn gắn và đã ly thân. Tại phiên tòa, anh T xác định không còn tình cảm với chị D nên mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh T yêu cầu ly hôn với chị D là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D1, sinh ngày 29/8/2017, cháu D1 đang sống cùng chị D, khi ly hôn anh T đồng ý giao cháu D1 cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con. Việc giao con chưa thành niên cho vợ hay chồng nuôi cần xem xét đến điều kiện phát triển của con chưa thành niên. Từ trước đến nay, cháu D1 sống cùng với chị D vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần, nên cần ổn định cuộc sống cho cháu, tiếp tục giao cháu D1 cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng. Do chị D không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, xem xét:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn T đối với chị Nguyễn Thị D.

- Chị Nguyễn Thị D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Ngọc D1, sinh ngày 29/8/2017. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn được xác định là quan hệ tranh chấp về “*Ly hôn, nuôi con chung*” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Nguyễn Thị D, sinh năm 1987, nơi cư trú tại xã M.H, huyện C.M, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện C.M, tỉnh An Giang.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật cho các bên đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất được mở vào ngày 06/5/2021, bị đơn vắng mặt không rõ lý do thuộc trường hợp hoãn phiên tòa.

Phiên tòa được mở lại lần thứ hai ngày 27/4/2021, Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa, bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Về tính hợp pháp: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị D trên cơ sở tình yêu tự nguyện, tìm hiểu tiến đến hôn nhân, không có yếu tố lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn theo quy định vào ngày năm 2017 tại Ủy ban nhân dân

xã B.T, huyện T.B phù hợp với trích lục Giấy chứng nhận kết hôn mà anh T cung cấp có trong hồ sơ. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa anh T, chị D là hợp pháp được pháp luật thừa nhận, bảo vệ.

[2.2] Về tình trạng hôn nhân: Thời gian đầu sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng giữa anh T, chị D hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, mối quan hệ vợ chồng trở nên căng thẳng, chị D đã dẫn theo con về quê tại xã M.H, huyện C.M sinh sống, vợ chồng ly thân cho đến nay, không còn liên lạc qua lại với anh T, thể hiện mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn hạnh phúc, không còn sự quan tâm, chia sẻ, yêu thương; vợ chồng không tin tưởng nhau trong tình cảm, thiếu trách nhiệm trong cuộc sống gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập đến các phiên hòa giải nhằm động viên các bên hàn gắn tình cảm, kết nối để vợ chồng có thể hòa hợp trở lại cùng chung sống với nhau nhưng chị D đều vắng mặt, chị D không đưa ra căn cứ, biện pháp gì nhằm cải thiện đời sống chung của vợ chồng, hiện nay vợ chồng tiếp tục tình trạng sống ly thân và không quan tâm đến nhau, cuộc sống riêng lẻ của mỗi người, không còn mục tiêu để xây dựng một gia đình mà ở đó có sự thương yêu, quan tâm, chia sẻ lẫn nhau. Điều đó, chứng tỏ mối quan hệ vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận khởi kiện cho anh Nguyễn Văn T ly hôn với chị Nguyễn Thị D là phù hợp.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D1, sinh ngày 29/8/2017. Hiện nay, cháu D1 đang do chị D chăm sóc, nuôi dưỡng, sống cùng với chị D, sau khi ly hôn anh T đồng ý để chị D được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, anh không tranh chấp về quyền nuôi con; anh không đề cập việc cấp dưỡng nuôi con.

Với những điều kiện nêu trên, việc giao con chưa thành niên cho vợ hoặc chồng nuôi dưỡng cần xem xét yếu tố khách quan, tạo điều kiện để cháu phát triển về mọi mặt. Cháu D1 đang sống chung với chị D vẫn phát triển bình thường về thể chất, tinh thần, nên cần ổn định cuộc sống, ổn định tâm lý của cháu, tiếp tục giao cháu cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do các đương sự không có ý kiến, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 273; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T. Cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 44, do Ủy ban nhân dân xã B.T, huyện T.B, tỉnh Đ.T cấp ngày 22 tháng 3 năm 2017 cho anh Nguyễn Văn T với chị Nguyễn Thị D, không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị D được tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D1, sinh ngày 29/8/2017. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai thu số 0006139 ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới; Anh Nguyễn Văn T đã nộp xong.

5. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND xã Bình Thành, huyện T.B, tỉnh Đ.T (để biết).
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong